

Số: *1225*/BC-UBND

Triệu Sơn, ngày 4 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Quyết định số 1023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Công văn số 1036/LĐTĐBXH-TEBĐG ngày 21/4/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo đánh giá, kết quả thực hiện Quyết định số 1023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND huyện Triệu Sơn báo cáo kết quả thực hiện như sau:

A. TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG TRẺ EM

I. TÌNH HÌNH TRẺ EM

1. Số lượng trẻ em tại địa phương là: 58.650 trẻ em; trong đó:
số trẻ em nam là: 30.034 trẻ em; số trẻ em nữ là: 28.856 trẻ em
2. Số lượng trẻ em đang học mầm non, mẫu giáo và các cấp học phổ thông: 48.631 trẻ em.
3. Số lượng trẻ em đang trong độ tuổi đi học, nhưng không được đến trường, phải tham gia lao động trái pháp luật: 0 trẻ em
4. Số lượng trẻ em bỏ nhà đi lang thang, không có nơi cư trú ổn định: 0 trẻ em
5. Số lượng trẻ em có cha, mẹ ly hôn: 95 trẻ em
6. Số lượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: 368 trẻ em

II. TÌNH HÌNH TRẺ EM LAO ĐỘNG TRÁI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Không có

III. TÌNH HÌNH TRẺ EM CÓ NGUY CƠ LAO ĐỘNG TRÁI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Quy mô: Tổng số trẻ em có nguy cơ lao động trái quy định của pháp luật: 368 trẻ em, chiếm tỷ lệ 0,6%.

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN VÀ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH

1. Nội dung thực hiện

1.1. Tình hình ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kế hoạch thực hiện Chương trình

- Thời gian, tiến độ ban hành: Căn cứ vào công văn hướng dẫn của cấp trên, UBND huyện ban hành và tổ chức thực hiện đúng nội dung và thời gian quy định.

- Đánh giá chất lượng văn bản, tập trung vào các nội dung sau:

+ Nội dung các văn bản ban hành được thực hiện căn cứ vào văn bản cấp trên và bảo đảm thể chế hoá đầy đủ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em đảm bảo.

+ Việc bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp: Nội dung ban hành văn bản theo hướng dẫn của cấp trên, đảm bảo tính hợp pháp: đảm bảo.

+ Việc bảo đảm tính phù hợp với đặc điểm, điều kiện của địa phương, đáp ứng yêu cầu phòng, ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong điều kiện hiện nay: đảm bảo.

+ Việc bảo đảm tính kịp thời, hiệu quả, minh bạch, khả thi của văn bản: đảm bảo.

- Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, chương trình, kế hoạch của địa phương.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch hàng năm: Thực hiện theo công văn hướng dẫn của cấp trên.

- Công tác điều phối, xây dựng kế hoạch và giám sát thực thi chương trình tại địa phương (bao gồm việc ban hành văn bản về cơ chế điều phối, giám sát, thành phần tham gia, quy định về giám sát thực hiện).

1.2. Nguồn lực thực hiện

- Ngân sách địa phương: Không có

- Vận động: Hoạt động chủ yếu từ nguồn vận động của cộng đồng.

1.3. Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát và báo cáo

- Công tác kiểm tra, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật thực hiện kế hoạch phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em tại địa phương: Thực hiện kiểm tra, giám sát và báo cáo theo đúng hướng dẫn của cấp trên.

2. Thuận lợi, khó khăn

2.1. Thuận lợi: Sự phát triển của nền kinh tế thị trường, sự phát triển công nghệ 4.0, thuận lợi cho công tác tuyên truyền, tiếp nhận thông tin đối với người dân.

2.2. Khó khăn: Nguồn kinh phí hàng năm cho công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em nói chung và công tác phòng, ngừa giảm thiểu lao động trẻ em rất ít nên hiệu quả hoạt động chưa cao. Việc tuyên truyền mới chỉ tập trung chủ yếu

trong việc lồng ghép trong các buổi học ngoại khóa của nhà trường và trên hệ thống loa truyền thanh.

3. Đánh giá công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện tác động đến việc thực hiện Chương trình

Công tác ban hành văn bản của UBND huyện dựa trên văn bản của UBND tỉnh và Sở Lao động Thương binh và Xã hội. Nội dung ban hành văn bản đúng nội dung và yêu cầu của cấp trên.

II. ĐÁNH GIÁ VIỆC TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về phòng ngừa, giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật cho chính quyền các cấp, các ngành, các tổ chức, người sử dụng lao động, xã hội, cha mẹ và trẻ em.

1.1. Kết quả đạt được

UBND huyện đã chủ động hơn trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, ngừa giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động.

Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức kỹ năng giúp các đối tượng được tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác phòng, ngừa giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động.

- Nội dung tuyên truyền: Các chủ trương, chính sách, các văn bản của các cấp về công tác phòng, ngừa giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động.

- Các hình thức tuyên truyền: tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của huyện, xã, thôn; treo băng zôn tuyên truyền, đặc biệt là vào tháng 6 hàng năm - tháng hành động vì trẻ em.

Một số xã, thị trấn đã chủ động phối hợp với Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội để gắn vào hoạt động của các tổ chức này việc động viên nhân dân thi đua thực hiện cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư” và cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, xây dựng xã, thị trấn phù hợp với trẻ em, không có tình trạng trẻ em tham gia lao động.

- Sự vào cuộc của các phương tiện thông tin đại chúng đã góp phần không nhỏ trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, ngừa giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động. Qua các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức và kỹ năng đã trang bị cho các em về những kỹ năng cơ bản về những hệ lụy của tình trạng tham gia lao động của trẻ em, qua đó cũng tạo ra sự trao đổi, phối hợp giữa gia đình và nhà trường, xã hội để nắm bắt được tâm tư

hoặc những biểu hiện của các em để có những biện pháp ngăn chặn, can thiệp kịp thời.

1.2. Đánh giá kết quả tác động đến nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, các tổ chức, người sử dụng lao động và trẻ em về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

- Từ kết quả trên đã có tác động đến nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, các tổ chức, người sử dụng lao động và trẻ em về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

- Đối với các ngành, các tổ chức xã hội: Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác phòng, ngừa giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của mình đã thực hiện lồng ghép vào các chương trình hoạt động năm của đoàn thể mình, thực hiện lồng ghép vào cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư", cuộc xây dựng "Nông thôn mới", xây dựng xã, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Đối với người sử dụng lao động: Huyện không có đối tượng sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật.

- Đối với trẻ em: Không có trường hợp trẻ em tham gia lao động trái quy định của pháp luật.

1.3. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc

Việc tuyên truyền, phổ biến các chính sách pháp luật về phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em đã đạt được nhiều kết quả tốt, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế.

- Do nguồn kinh phí hàng năm cho công tác phòng ngừa, giảm thiểu tình trạng lao động trẻ em rất ít nên hiệu quả hoạt động chưa cao. Việc tuyên truyền mới chỉ tập trung chủ yếu trong việc lồng ghép trong các buổi học ngoại khóa của nhà trường và trên hệ thống loa truyền thanh.

- Nhận thức của nhiều gia đình và cộng đồng dân cư đối với các nguy cơ về tình trạng tham gia lao động của trẻ em ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng và hiệu quả của công tác tuyên truyền.

2. Nâng cao năng lực về phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật

2.1. Kết quả đạt được

- Kế hoạch của địa phương đặt ra: Tất cả các đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em được tham gia tập huấn nâng cao năng lực về phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật.

- Kết quả đạt được:

+ Trên cơ sở hướng dẫn của cấp trên, UBND huyện chỉ đạo phòng, ban liên quan căn cứ vào chức năng nhiệm vụ thực hiện xây dựng các văn bản về công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật; tài liệu về phát hiện, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật.

+ Cử cán bộ cấp huyện, xã tham dự đầy đủ các lớp tập huấn về phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp do cấp trên tổ chức.

2.2. Đánh giá kết quả tác động của công tác tập huấn, nâng cao năng lực đối với công tác phòng ngừa lao động trẻ em

- Đánh giá chất lượng đào tạo/tập huấn: Chất lượng công tác tập huấn, nâng cao năng lực đối với công tác phòng ngừa lao động trẻ em đều đảm bảo, phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

- Đánh giá khả năng đáp ứng được nhu cầu công tác phòng ngừa lao động trẻ em tại địa phương của đội ngũ cán bộ: Đội ngũ cán bộ cấp huyện, xã có khả năng đáp ứng nhu cầu công tác phòng ngừa lao động trẻ em tại địa phương.

- Đánh giá chất lượng của đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em tại địa phương: Đáp ứng yêu cầu.

2.3. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc

- Tồn tại, hạn chế: Hầu hết cán bộ làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em đều là cán bộ kiêm nhiệm, chưa có cán bộ phụ trách riêng nên có lúc việc tham mưu chưa kịp thời.

- Khó khăn, vướng mắc: Kinh phí hoạt động hạn chế, hầu hết không có, nguồn hoạt động chủ yếu bằng nguồn vận động hỗ trợ từ bên ngoài.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các trường hợp sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật

Huyện không có đối tượng sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các trường hợp sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật: Không.

+ Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra: Không.

+ Kết quả phát hiện vi phạm qua thanh tra, kiểm tra: Không.

+ Kết quả xử lý vi phạm: Không.

- Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật.

+ Số lượng đơn khiếu nại, tố cáo: Không.

+ Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo; kết quả phát hiện vi phạm qua giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không.

+ Kết quả xử lý vi phạm: Không.

- Công tác giải quyết ý kiến, kiến nghị liên quan đến phòng, chống xâm hại trẻ em:

+ Số lượng ý kiến, kiến nghị nhận được: Không.

+ Kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị: Không.

4. Thí điểm mô hình hỗ trợ, can thiệp để giảm thiểu lao động trẻ em: Không.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG NGỪA GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM TẠI ĐỊA PHƯƠNG

- Địa phương đã đạt được bao nhiêu % kế hoạch đặt ra: Đạt 100% kế hoạch đề ra

- Kết quả nổi bật của địa phương: Không có tình trạng trẻ em tham gia lao động cũng như đối tượng sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật trên địa bàn.

- Bài học kinh nghiệm trong việc phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em của địa phương.

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nhất là trên hệ thống truyền thanh xã, huyện, nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong công tác phòng, ngừa giảm thiểu lao động trẻ em và người sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật.

+ Xây dựng mạng lưới công tác viên về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em từ huyện đến xã, nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến tận người dân.

- Những nguyên nhân của tồn tại, hạn chế và khó khăn trong quá trình thực hiện chương trình tại địa phương: Hầu hết do cán bộ làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em đều là kiêm nhiệm nên đôi lúc tham mưu ban hành các văn bản, các chủ trương chính sách liên quan đến trẻ em chưa kịp thời.

C. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu

1.1. Nâng cao nhận thức, năng lực và trách nhiệm của chính quyền các cấp, các ngành, các tổ chức có liên quan, người sử dụng lao động, cộng đồng, cha mẹ và trẻ em về lao động trẻ em.

1.2. 100% trẻ em lao động trái quy định của pháp luật khi có thông báo, phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời và có hiệu quả.

2. Giải pháp (thể chế, nguồn lực, tổ chức thực hiện...)

2.1. Giải pháp về thể chế, chính sách

Xây dựng và nhân bản các chương trình, tài liệu, sản phẩm truyền thông về phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật.

Triển khai các hình thức truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng; tổ chức các hoạt động giáo dục, tư vấn, truyền thông trực tiếp cho cộng đồng, trường học, người sử dụng lao động, cơ sở sản xuất, về phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật.

Nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em các cấp, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em nhằm phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ giảm thiểu trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống bảo vệ trẻ em bằng các biện pháp tuyên truyền, giáo dục nhằm phòng, ngừa, giảm thiểu tình trạng lao động trẻ em.

2.2. Giải pháp về tổ chức thực hiện

Đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em nhằm nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về công tác phòng, ngừa, giảm thiểu tình trạng lao động trẻ em. Chú trọng đến việc lồng ghép nội dung truyền thông vào trong sinh hoạt của thôn; trong sinh hoạt ngoại khóa của các cấp học và sinh hoạt chuyên đề của các tổ chức, đoàn thể các cấp...

Quan tâm đến trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt để có biện pháp hỗ trợ vật chất, ổn định tâm lý, học văn hóa và học nghề cho trẻ, xây dựng môi trường lành mạnh, thân thiện để trẻ có thể phát triển toàn diện.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cha mẹ và người thân nhằm xây dựng thiết chế gia đình bền vững.

2.3. Giải pháp về nguồn lực

Quan tâm hơn nữa nguồn kinh phí cho việc thực hiện các chương trình, kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc trẻ em nói chung và công tác phòng, ngừa, giảm thiểu tình trạng lao động trẻ em

Tăng cường sự phối kết hợp giữa các ban ngành trong việc phòng, ngừa lao động trẻ em, đây là trách nhiệm chung và cần sự vào cuộc của cả trẻ em, gia đình, nhà trường và toàn xã hội vì trẻ em là mầm non tương lai của đất nước.

3. Kiến nghị

3.1. Đối với Chính phủ

Chính phủ và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cần nghiên cứu và bổ sung những văn bản có liên quan về bảo vệ trẻ em cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Chú trọng thúc đẩy việc phát triển Hệ thống bảo vệ trẻ em bao gồm cả việc đề xuất hoàn thiện chính sách, luật pháp; mạng lưới tổ chức, cán bộ.

3.2. Đối với các Bộ, ngành Trung ương

Phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục con em trong gia đình ngăn ngừa tình trạng tham gia lao động trẻ em; đẩy công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia công tác phòng, ngừa giảm thiểu tình trạng tham gia lao động trẻ em.

UBND huyện Triệu Sơn báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa biết và chỉ đạo./slh

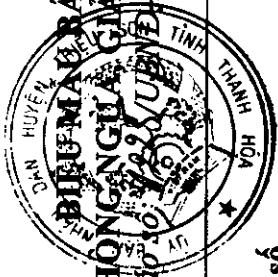
Nơi nhận:

- Sở Lao động-TBXH (báo cáo);
- Lưu: VT, LĐTBOXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Trung



**BIỂU MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
PHÒNG NGỪA VÀ GIÁM THỊU LAO ĐỘNG TRẺ EM GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

(Kèm theo Báo cáo số 289/XU/Đ-LĐT&XH ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

T	T	Tên chỉ số	Đơn vị tính	Kế hoạch*	Thực hiện				Ước thực hiện 2020	Tổng (cộng dồn 2016-2020)	Ghi chú
					2016	2017	2018	2019			
1		Tổng số trẻ em	Người	58.700	58.747	57.818	58.442	58.895	58.650	292.552	
2		Số trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em	Người	0	0	0	0	0	0	0	
3		Số trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em được hỗ trợ, can thiệp	Người	0	0	0	0	0	0	0	
4		Số trẻ em lao động trái quy định của pháp luật - Phân theo độ tuổi: + Dưới 13 tuổi + Từ 13 đến dưới 15 tuổi + Từ 15 đến dưới 16 tuổi - Phân theo các yếu tố cấu thành: (1) Số trẻ em làm các công việc nặng nhọc độc hại (2) Số trẻ em làm quá quy định về thời lượng làm việc trong ngày và trong tuần; (3) Số trẻ có tham gia làm việc vi phạm vào thời gian ban đêm	Người	0	0	0	0	0	0	0	
5		Số trẻ em lao động trái quy định của pháp luật được hỗ trợ, can thiệp kịp thời - Theo độ tuổi: + Dưới 13 tuổi + Từ 13 đến dưới 15 tuổi + Từ 15 đến dưới 16	Người	0	0	0	0	0	0	0	
6		Số chiến dịch truyền thông được tổ chức liên quan tới công tác phòng ngừa, giám thiêu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật	Chiến dịch	1	1	1	1	1	1	5	

* Cách ghi cột "Kế hoạch": chỉ ghi các số liệu có đặt ra trong kế hoạch triển khai Chương trình của địa phương

T	Tên chi số	Đơn vị tính	Kế hoạch*	Thực hiện					Ghi chú	
				2016	2017	2018	2019	Ước thực hiện 2020		Tổng (cộng dồn 2016-2020)
T	- Chiến dịch do cấp tỉnh phát động - Chiến dịch do cấp huyện phát động			1	1	1	1	1	5	
7	Số sản phẩm truyền thông được xây dựng và phát triển về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em Phân tách riêng cho từng loại sản phẩm: + Số bản tin phát thanh và truyền hình thông qua hợp tác với các cơ quan PT-TH Trung ương và địa phương + Số bản tin qua các cơ quan báo chí (báo giấy và báo điện tử) cấp Trung ương và địa phương + Số tờ rơi được phát hành + Số pa-nô, áp-phích tuyên truyền được lắp đặt + Số video clip được phát hành + Số chương trình phát thanh trên đài phát thanh địa phương + Số chương trình truyền hình trên đài truyền hình địa phương + Số bản tin điện tử + Số lượt phát sóng trên TV + Số lượt phát thanh trên Đài Phát thanh	Bản tin Bản tin Tờ Tám Clip Ch.trình Ch.trình Bản tin Lượt Lượt		50	50	50	50	40	240	240
8	Số hội thảo, hội nghị có nội dung liên quan tới chủ đề phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật - Phân theo cấp tổ chức: + Cấp tỉnh chủ trì tổ chức + Cấp huyện chủ trì tổ chức + Cấp xã chủ trì tổ chức	Cuộc	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Số người được tiếp nhận sản phẩm truyền thông - Phân theo nhóm đối tượng được tiếp nhận + Số phụ huynh, đại diện các hộ gia đình	Người		10.384	12.465	12.974	12.456	12.000	60.279	

T	T	Tên chỉ số	Đơn vị tính	Kế hoạch*	Thực hiện					Ghi chú	
					2016	2017	2018	2019	Ước thực hiện 2020		Tổng (cộng dồn 2016-2020)
		+ Số trẻ em, học sinh các trường phổ thông + Số chủ doanh nghiệp, người sử dụng lao động									
10		Số tài liệu hướng dẫn về phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật được xây dựng - Phân theo cơ quan soạn thảo tài liệu: Cấp tỉnh	Tài liệu								
11		Số tài liệu hướng dẫn về phát hiện, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật được xây dựng - Phân theo cơ quan soạn thảo tài liệu: Cấp tỉnh	Tài liệu								
12		Số lớp tập huấn được tổ chức về phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật. - Phân theo cấp tổ chức: + Cấp tỉnh chủ trì tổ chức + Cấp huyện chủ trì tổ chức + Cấp xã chủ trì tổ chức	Lớp	0	0	0	0	0	0	0	
13		Số người tham gia các lớp tập huấn về phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật. - Phân theo nhóm đối tượng đích: + Số công chức, viên chức bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em cấp tỉnh + Số công chức, viên chức bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em cấp huyện + Số người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã + Số CTV thôn bản làm công tác bảo vệ, chăm sóc	Người								
		TE		36	36	36	34	34	1	1	5
											176

T	Tên chi số	Đơn vị tính	Kế hoạch*	Thực hiện					Ghi chú	
				2016	2017	2018	2019	Ước thực hiện 2020		Tổng (cộng dồn 2016-2020)
14	Số cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể và hộ gia đình được tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức, năng lực về lao động trẻ em, điều kiện làm việc an toàn, phù hợp cho trẻ em	Cơ sở								
15	Số lớp tập huấn được tổ chức về phát hiện, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật. - Phân theo cấp tổ chức: + Cấp tỉnh chủ trì tổ chức + Cấp huyện chủ trì tổ chức	Lớp	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Số người tham gia các lớp tập huấn về phát hiện, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật. Trong đó: nữ - Phân theo nhóm đối tượng đích: + Số cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh Trong đó: nữ + Số cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện Trong đó: nữ + Số cán bộ, công chức, viên chức cấp xã Trong đó: nữ	Người								
17	Số đơn vị hành chính triển khai thí điểm mô hình Phòng ngừa, giám thiêu lao động trẻ em - Cấp tỉnh (nếu có, ghi 1; nếu không, ghi 0) - Số đơn vị cấp huyện - Số đơn vị cấp xã	Đơn vị	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Số lớp tập huấn được tổ chức về kỹ năng sống, kỹ năng hòa nhập cộng đồng cho trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật Tách riêng cho cấp chủ trì tổ chức:	Lớp	0	0	0	0	0	0	0	0

T	Tên chi số	Đơn vị tính	Kế hoạch*	Thực hiện					Ghi chú	
				2016	2017	2018	2019	Ước thực hiện 2020		Tổng (cộng dồn 2016-2020)
T	(a) Số lớp do cấp tỉnh chủ trì tổ chức (b) Số lớp do cấp huyện chủ trì tổ chức (c) Số lớp do cấp xã chủ trì tổ chức									
19	Số trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật được tập huấn, tư vấn kỹ năng sống, kỹ năng hòa nhập cộng đồng. - Phân theo độ tuổi: + Dưới 13 tuổi + Từ 13 đến dưới 15 tuổi + Từ 15 đến dưới 16 tuổi	Người	0	0	0	0	0	0	0	
20	Số trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật được hỗ trợ giáo dục - Phân theo độ tuổi: + Dưới 13 tuổi + Từ 13 đến dưới 15 tuổi + Từ 15 đến dưới 16 tuổi - Theo loại hỗ trợ: + Số người được đưa trở lại trường học + Số người được hỗ trợ nhận học bổng, miễn giảm học phí + Số người được hỗ trợ đồ dùng học tập (học cụ, sách vở, đồng phục...) + Số người nhận được các hỗ trợ giáo dục khác	Người	0	0	0	0	0	0	0	
21	Số trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật được hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp - Theo loại hỗ trợ: + Được đưa vào các cơ sở dạy nghề + Được hỗ trợ kinh phí cho việc học nghề	Người	0	0	0	0	0	0	0	

T	Tên chi số	Đơn vị tính	Kế hoạch*	Thực hiện					Ghi chú	
				2016	2017	2018	2019	Ước thực hiện 2020		Tổng (cộng dồn 2016-2020)
22	Số trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật được hỗ trợ giới thiệu việc làm phù hợp	Người	0	0	0	0	0	0	0	
23	Số hộ gia đình có trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật được trợ giúp về kiến thức, kỹ năng, tay nghề; - Theo loại hỗ trợ cho hộ gia đình: + Có thành viên được học nghề + Có thành viên được tập huấn kỹ thuật sản xuất kinh doanh, biện pháp phát triển sản xuất + Được nhận các hỗ trợ về sinh kế khác	Hộ	0	0	0	0	0	0	0	
24	Số hộ gia đình có trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật được trợ giúp vay vốn phát triển kinh tế	Hộ	0	0	0	0	0	0	0	
25	Số vốn mà hộ gia đình có trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật được trợ giúp vay	Triệu đồng	0	0	0	0	0	0	0	
26	Số cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể và hộ gia đình có trẻ em học nghề và tham gia lao động được hỗ trợ cải thiện điều kiện làm việc phù hợp với trẻ em và theo quy định của pháp luật - Phân theo loại hỗ trợ cụ thể: + Bằng tiền + Bằng hiện vật + Hỗ trợ khác	Cơ sở	0	0	0	0	0	0	0	
27	Địa phương có xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 (Nếu có, ghi 1; nếu không, ghi 0)	Đơn vị	1	1	1	1	1	1	1	4

T	T	Tên chỉ số	Đơn vị tính	Kế hoạch*	Thực hiện					Ghi chú	
					2016	2017	2018	2019	Ước thực hiện 2020		Tổng (cộng dồn 2016-2020)
28		Số đơn vị hành chính triển khai lồng ghép việc thực hiện nội dung của Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 trong hoạt động của hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em - Cấp tỉnh (Nếu có, ghi 1; nếu không, ghi 0) - Số đơn vị cấp huyện - Số đơn vị cấp xã	Đơn vị	0	0	0	0	0	0	0	
29		Số cuộc thanh tra, kiểm tra các vi phạm quy định pháp luật về sử dụng lao động trẻ em được tiến hành Tách riêng cho: + Do cấp tỉnh tiến hành + Do cấp huyện tiến hành	Cuộc	0	0	0	0	0	0	0	
30		Số cơ sở sản xuất, kinh doanh được thanh tra, kiểm tra về lao động trẻ em Tách riêng cho: + Do cấp tỉnh tiến hành + Do cấp huyện tiến hành	Cơ sở	0	0	0	0	0	0	0	
31		Số trường hợp vi phạm quy định pháp luật về sử dụng lao động trẻ em được phát hiện Tách riêng cho: + Do cấp tỉnh tiến hành + Do cấp huyện tiến hành	Trường hợp	0	0	0	0	0	0	0	
32		Số trường hợp vi phạm quy định pháp luật về sử dụng lao động trẻ em được xử lý, giải quyết Tách riêng cho: + Do cấp tỉnh tiến hành + Do cấp huyện tiến hành	Trường hợp	0	0	0	0	0	0	0	
33		Số tổ chức xã hội, doanh nghiệp và nhà tài trợ tham gia thực hiện Chương trình phòng ngừa,	Đơn vị	0	0	0	0	0	0	0	

T	T	Tên chi số	Đơn vị tính	Kế hoạch*	Thực hiện					Ghi chú	
					2016	2017	2018	2019	Ước thực hiện 2020		Tổng (cộng dồn 2016-2020)
		giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 Phân theo từng loại cá nhân, đơn vị tham gia: + Tổ chức xã hội + Doanh nghiệp + Nhà tài trợ									
34		Số người làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em đi công tác nước ngoài liên quan tới vấn đề phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	Người	0	0	0	0	0	0	0	
35		Địa phương có bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách của địa phương để thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 (nếu có, ghi 1; nếu không, ghi 0)	Đơn vị	0	0	0	0	0	0	0	
36		Lượng kinh phí được bố trí từ nguồn ngân sách của địa phương để thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020	Triệu đồng	0	0	0	0	0	0	0	